

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tiêu hao theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2025 (vật tư chuyên khoa Chẩn thương chỉnh hình, Ngoại thần kinh)_lần 2;
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm;
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh;
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 12 tháng;
7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu;
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trước ..11.. giờ 00, ngày 01..04./2025;
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan Số điện thoại: 028.3952.5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (B11-144-nvdung) (01).

TU. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



PHỤ LỤC. DANH MỤC CUNG CẤP VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO NĂM 2025

(Đính kèm Công văn số /BVĐHYD-VTTB ngày tháng năm 2025)

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1	Bộ dây cáp neo cổ định xương, đường kính 1.5 - 1.8mm	Bộ dây cáp neo cổ định xương dùng để cố định ổ gãy - Chất liệu Titanium - Đường kính trong khoảng 1.5 - 1.8mm, chiều dài ≥ 600 mm - Bao gồm: dây cáp neo, ốc siết cáp Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	20
2	Khóa thép bằng hợp kim Titanium	Khóa thép - Cáp bằng hợp kim Titanium, ống khóa bằng titanium - Đường kính: trong khoảng 1.8 - 2.0mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20
3	Bộ đinh nội tủy thân xương chày, dài ≥ 250 mm, có lỗ bắt vít	Bộ đinh nội tủy thân xương chày 1. Cây đinh - Chất liệu đinh hợp kim Titanium - Đường kính ≥ 8.0 mm với bước tăng 1mm, có ≥ 3 cỡ - Chiều dài ≥ 250 mm, có lỗ bắt vít 2. Vít chốt chéo ở đầu xa đa hướng 3. Vít chốt đầu gần: có dạng lỗ tĩnh và lỗ động 4. Nắp đinh: có ≥ 3 cỡ Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	15
4	Bộ đinh nội tủy thân xương đùi, đường kính ≥ 9.0 mm, dài ≥ 300 mm, có lỗ bắt vít đa hướng	Bộ đinh nội tủy thân xương đùi 1. Cây đinh - Chất liệu đinh hợp kim Titanium - Đường kính ≥ 9.0 mm với bước tăng 1mm, có ≥ 3 cỡ - Chiều dài ≥ 300 mm, có lỗ bắt vít đa hướng - Vít chốt đầu gần: có dạng lỗ tĩnh và lỗ động - Vít chốt đầu xa: có dạng lỗ tĩnh và lỗ động 2. Vít khóa ngang và khóa chéo. 3. Nắp đinh: có ≥ 3 cỡ Tiêu chuẩn ISO hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	15
5	Bộ đinh nội tủy đầu trên xương đùi, vít dạng lưỡi và nén ép	Đinh nội tủy đầu trên xương đùi, vít dạng lưỡi và nén ép - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính đủ cỡ từ 9mm đến 12mm, bước tăng 1mm - Mặt trong và mặt ngoài vạt góc khoảng 5° - Góc vít cổ xương đùi trong khoảng $130^\circ - 135^\circ$ - Vít chốt ở cổ xương đùi có 2 loại: Dạng lưỡi chốt và dạng vít chốt - Nắp đinh + vít định vị: chống xoay ngược và ngăn chặn vít tụt ra - Có thể sử dụng vít tĩnh/vít động/cả hai vít - Thiết kế loại trái và phải Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	20
6	Bộ đinh đầu trên xương cánh tay, đường kính ≥ 7.0 mm	Đinh đầu trên xương cánh tay - Chất liệu: Đinh và vít bằng hợp kim Titanium - Đường kính ≥ 7.0 mm, có tối thiểu 03 cỡ trái và tối thiểu 03 cỡ phải - Có tối thiểu 03 cỡ mũ đinh - Đường kính vít trong khoảng 3 - 4mm Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
7	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 100 - 120mm, phủ HA dày $\geq 150\mu\text{m}$, dạng cổ rời, chỏm lưỡng cực 36 - 65mm	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium Alloy, phủ HA dày $\geq 150\mu\text{m}$ - Có ≥ 5 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 100 - 120mm - Góc cổ thân trong khoảng $125^\circ - 130^\circ$ - Cổ chuỗi dạng cổ rời 2. Chỏm trong - Chất liệu Cobalt - Chrome - Có trong khoảng 4 - 5 cỡ - Đường kính có tối thiểu các cỡ 22, 28, 32, 36mm 3. Chỏm lưỡng cực - Kích thước khoảng 36 - 65mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	10
8	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài $\geq 80\text{mm}$, phủ HA và bột Titanium	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu bằng Titanium phủ HA và lớp bột Titanium - Có ≥ 7 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 80 - 90mm - Góc cổ thân khoảng $130^\circ - 135^\circ$ - Rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay 2. Chỏm trong - Chất liệu thép không gỉ - Mỗi đường kính có trong khoảng 2 - 4 cỡ 3. Chỏm lưỡng cực - Chất liệu bề mặt ngoài bằng thép ko gỉ, mặt trong bằng polyethylene Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	50
9	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài $\geq 180\text{mm}$, phủ Titanium Plasma, dạng thẳng và cong, chỏm lưỡng cực $\geq 38\text{mm}$	Bộ khớp háng bán phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium, phủ Titanium Plasma - Có ≥ 5 cỡ - Có 2 dạng: thẳng và cong, + Dạng thẳng: dài $\geq 180\text{mm}$ + Dạng cong: dài $\geq 230\text{mm}$, 2 bên trái và phải - Góc cổ thân: trong khoảng $130^\circ - 135^\circ$ 2. Chỏm - Chất liệu Cobalt Chrome - Có ≥ 5 cỡ 3. Chỏm lưỡng cực - Chất liệu Cobalt Chrome - Đường kính ngoài có tối thiểu cỡ 38mm - Chống trật: liền khối, vòng khóa trong chống tuột chỏm 4. Lớp đệm - Chất liệu Polyethylene siêu phân tử Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	20

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
10	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm Ceramic miếng lót Polyethylene, vành ổ cối có đỉnh cố định chống lật và chống xoay	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu Titanium, phủ HA toàn bộ chuôi - Chiều dài có ≥ 7 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 80 - 90mm - Góc cổ thân trong khoảng 130° - 135° 2. Chòm - Chất liệu Ceramic 3. Ổ cối - Chất liệu Cobalt - Chrome - Molybdenum, phủ Titanium, HA - Có ≥ 2 cỡ, có tối thiểu cỡ trong khoảng 42 - 44mm - Vành có ≥ 5 gai cố định chống lật và xoay 4. Miếng lót - Chất liệu polyethylene cao phân tử - Miếng lót và chòm lắp sẵn với nhau, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối, chòm chuyển động bên trong lớp đệm, tạo thành chuyển động kép. Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	35
11	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chòm thép không gỉ miếng lót Polyethylene, ổ cối có cỡ 44 - 60mm	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi - Chất liệu hợp kim Titanium, phủ Titanium và phủ lớp hydroxyapatite - Chiều dài có ≥ 7 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 80 - 90mm - Góc cổ thân trong khoảng 130° - 135° 2. Chòm - Chất liệu thép không gỉ 3. Ổ cối: - Chất liệu Cobalt - Chrome - Molybdenum, lớp bên dưới phủ Titanium, lớp trên phủ Hydroxyapatite toàn phần - Có ≥ 2 cỡ, có tối thiểu cỡ 44mm - Thiết kế: vành ngoài ổ cối có ≥ 4 đỉnh cố định chống xoay; đỉnh ổ cối có ≥ 3 đỉnh chống lật và xoay 4. Miếng lót - Chất liệu Polyethylene cao phân tử - Thiết kế: miếng lót và chòm được đóng thành 1 khối, dạng chuyển động đôi, lớp đệm chuyển động trong ổ cối và chòm chuyển động trong lớp đệm Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	20
12	Bộ khớp háng toàn phần chuyển động đôi Dual Mobility COP Chuôi UTF-reduced	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi: - Chất liệu: Ti6Al4V, phun Titanium Plasma nhám. - Có ≥ 14 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 110 - 130mm - Góc cổ thân có tối thiểu cỡ 130° 2. Chòm: - Chất liệu: Ceramic BioloX Delta - Có ≥ 2 cỡ, có tối thiểu cỡ 22.2mm, 28mm 3. Ổ cối - Chất liệu: mặt ngoài bằng Titanium Plasma, phủ HA, mặt trong lớp CoCr - Dạng bất đối xứng, có gờ vát nhẵn dày thêm 3mm - Ổ cối ≥ 14 cỡ, trong khoảng 42mm - 68mm, mỗi bước tăng 2mm 4. Lớp lót chuyển động đôi - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử - Gờ trong: vát 65°, biên độ vận động lên $> 180^\circ$ - Có ≥ 12 cỡ Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	8

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
13	Chi khâu đa sợi liền kim, Polyethylen cao phân tử, kim số 2	Chi khâu đa sợi liền kim dùng trong nội soi khớp vai và gối - Chất liệu Polyethylen khối lượng phân tử siêu cao - Dài trong khoảng 95 - 100cm - 1 kim số 2 Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	390
14	Chi khâu siêu bền, lực kéo $\geq 550\text{N/mm}^2$	Chi khâu siêu bền - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử siêu bền - Kích thước: bề rộng chỉ $\geq 1.5\text{mm}$ - Thiết kế: 2 màu, lực kéo $\geq 550\text{ N/mm}^2$ Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	250
15	Bộ dây dẫn dịch vào khớp, 2 kim đầu nhọn, áp lực tối đa 150mmHg ($\pm 5\%$)	Bộ dây dẫn dịch vào khớp dùng trong nội soi khớp - Chất liệu dây dẫn bằng nhựa hoặc Silicone - Áp lực tối đa 150mmHg ($\pm 5\%$), lưu lượng tối đa 2L/phút ($\pm 10\%$) - Bộ bao gồm: Dây dẫn dịch, 2 kim đầu nhọn, 3 kẹp bấm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	150
16	Dây dẫn dịch trong nội soi chạy bằng máy	Dây dẫn dịch trong nội soi chạy bằng máy - Chất liệu Polyvinyl Chloride - Dài $\geq 3\text{m}$ - Tương thích với máy bơm nước 10k Pump (hãng Consolidated Medical Equipment Company) của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	250
17	Dây dẫn dịch vào khớp dùng trong nội soi khớp	Dây dẫn dịch vào khớp dùng trong nội soi khớp - Chiều dài dây nước tính từ máy $> 3.5\text{m}$ - Có khóa trên thân để điều chỉnh chiều dài dây - Tương thích với máy FloControl Arthroscopy Pump (hãng Arthrex) của Bệnh viện Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	280
18	Bộ khớp gối với phần lõi cầu bán rộng	Bộ khớp gối với phần lõi cầu bán rộng - Chất liệu: CoCrMo, Titanium và UHMWPE - Kích cỡ mâm chày: 2(56mm)/ 4(61mm)/ 6(66mm)/ 8(71mm)/ 10(76mm). - Chiều dài lõi cầu: 70mm, có khớp nối với chuỗi khớp cố định ống tủy. - Size Mâm chày tương thích với size lõi cầu: 2/4/6/8/10 . - Đệm mâm chày cao: 9mm. - Tương thích với "Chuỗi khớp nối đầu xa lõi cầu", "Khớp nối đầu xa lõi cầu" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	2
19	Bộ khớp gối với phần mâm chày bán rộng	Bộ khớp gối với phần mâm chày bán rộng - Chất liệu: CoCrMo, Titanium và UHMWPE - Kích cỡ mâm chày: 2(58mm)/ 4(64mm)/ 6(70mm)/ 8(76mm)/ 10(82mm). - Chiều dài mâm chày: 62mm, có khớp nối với chuỗi khớp cố định ống tủy. - Size Lõi cầu tương thích với size mâm chày: 2/ 4/ 6/ 8/ 10 . - Đệm mâm chày cao: 9mm. - Tương thích với "Chuỗi khớp nối mâm chày cho khớp gối" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	2

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
20	Lưỡi bào khớp nội soi, đường kính 4.0 - 5.0mm	Lưỡi bào khớp nội soi - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính: trong khoảng 4.0 - 5.0mm. Dài ≥ 12cm - Tốc độ tối đa trong khoảng 6000 - 8000 vòng/phút - Có đánh dấu bằng laser độ sâu trên thân, mỗi vạch cách nhau 5 - 10mm - Tương thích với máy bào (hãng Arthrex) của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	195
21	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio cao tần, cong 90°, đường kính 3.5 - 4mm	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio cao tần trong mô nội soi khớp - Thân đầu đốt và điện cực bằng thép không gỉ, phần hút bột bằng Ceramic - Chiều dài ≥ 150mm, Đường kính: trong khoảng 3.5 - 4mm - Đầu đốt cong 90 độ - Đầu có ≥ 5 lỗ để hút. Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại giúp tránh hồng dụng cụ và tai biến trong phẫu thuật - Tương thích với máy đốt (hãng Arthrex) của bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	155
22	Lưỡi cắt đốt nội soi bằng sóng Radio cao tần, nhiều góc 70 - 90 độ	Lưỡi cắt đốt nội soi bằng sóng Radio cao tần - Chất liệu: Tay cầm Nhựa, đầu đốt sóng Radio - Gập góc trong khoảng 70 độ - 90 độ - Thiết kế: có nhiều lỗ hút nước Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	75
23	Lưỡi mài xương nội soi, đường kính 4 - 5mm	Lưỡi mài xương nội soi khớp - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính: trong khoảng 4 - 5mm - Chiều dài làm việc ≥ 120mm - Tốc độ tối đa trong khoảng 6000 - 8000 vòng/phút - Tương thích với máy mài (hãng Arthrex) của Bệnh viện Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40
24	Vít neo tái tạo dây chằng chéo tự chỉnh độ dài, khóa 4 điểm, vòng treo có thể nối lỏng	Vít neo tái tạo dây chằng khớp gối - Chất liệu Titanium, dây treo bằng Polyethylene siêu cao phân tử - Độ rộng chốt neo trong khoảng 3.0 - 3.5mm - Chiều dài chốt neo: trong khoảng 10 - 15mm - Chiều cao chốt neo: trong khoảng 1.0 - 2.0mm - Khoảng cách giữa 2 lỗ luồn chỉ trong khoảng 3.0 - 3.5mm - Vòng treo chiều dài từ 11mm đến 60mm - Dây treo khóa 4 điểm, tự điều chỉnh chiều dài vòng treo. Khả năng chịu lực tối đa ≥ 900N Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	400
25	Vít khóa 1.5mm, đầu chữ thập	Vít khóa tự taro, đầu chữ thập - Chất liệu: Ti6Al4V - Đường kính có tối thiểu cỡ 1.5mm - Dài ≥ 5mm, trong đó có cỡ ≥ 20mm - Tương thích với nẹp "Nẹp khóa nhỏ bàn ngón tay, dày 0.7-1.0mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	180

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
26	Nẹp khóa mòm khuỷu có móc	Nẹp khóa mòm khuỷu có móc - Chất liệu: Ti6Al4V - Có ≥ 5 cỡ, từ 2 lỗ đến 10 lỗ - Loại trái/ phải. Có móc - Tương thích với "Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren", "Vít vô động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	3
27	Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren	Vít khóa động tự taro, đầu hình sao - Chất liệu: Ti6Al4V - Dài ≥ 15 mm và có cỡ ≥ 50 mm - Đường kính có tối thiểu cỡ 3.5mm, tự taro - Phần gần đầu vít không có ren, đường kính có tối thiểu cỡ 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm, thiết kế 3 lưỡi - Tương thích với "Nẹp khóa mòm khuỷu có móc" hoặc "Nẹp khóa mắt cá trong, thân nẹp ≥ 4 lỗ, chất liệu Ti6Al4V" hoặc "Nẹp khóa xương đòn dùng phẫu thuật xương đòn mặt trước" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	220
28	Vít vô động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren	Vít vô động tự taro, đầu hình sao - Chất liệu: Ti6Al4V - Dài ≥ 15 mm, có cỡ ≥ 50 mm - Đường kính 3.5mm, tự taro - Phần gần đầu vít không ren, đường kính có tối thiểu cỡ 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm, thiết kế 3 lưỡi - Tương thích với "Nẹp khóa mòm khuỷu có móc" hoặc "Nẹp khóa mắt cá trong, thân nẹp ≥ 4 lỗ, chất liệu Ti6Al4V" hoặc "Nẹp khóa xương đòn dùng phẫu thuật xương đòn mặt trước" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	63
29	Nẹp khóa xương đòn dùng phẫu thuật xương đòn mặt trước	Nẹp khóa xương đòn dùng phẫu thuật xương đòn mặt trước - Chất liệu Ti6Al4V hoặc Pure Titanium - Chiều dài trái/phải có tối thiểu các cỡ 57, 77, 96, 116mm - Số lỗ trong khoảng 5 - 11 lỗ, tối thiểu 4 cỡ - Có 2 lỗ nén ở giữa để nén ép và cố định ở gãy - Tương thích với "Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren", "Vít vô động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
30	Nẹp khóa đầu xa xương quay hình quạt, chiều dài 66 - 123mm	Nẹp khóa đầu xa xương quay hình quạt - Chất liệu Ti6Al4V - Chiều dài trái/ phải có tối thiểu các cỡ 66, 85, 104, 123mm - Đầu mặt khớp 9 lỗ và 12 lỗ - Số lỗ trong khoảng 2 - 8 lỗ, có tối thiểu 4 cỡ - Tương thích với "Vít khóa động tự taro 2.4mm, phần đầu vít không ren" hoặc "Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren", "Vít vô động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	8
31	Nẹp khóa mắt cá ngoài, chiều dài 74 - 230mm	Nẹp khóa mắt cá ngoài - Chất liệu Ti6Al4V - Đuôi nẹp vát nhọn - Đầu mặt khớp có 7 lỗ - Đầu nẹp có 2 móc - Số lỗ trong khoảng 2 - 14 lỗ, tối thiểu ≥ 6 cỡ - Chiều dài trái/phải có tối thiểu cỡ 74, 100, 126, 152, 178, 204, 230mm - Tương thích với "Vít khóa động tự taro 2.4mm, phần đầu vít không ren" hoặc "Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren", "Vít vô động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
32	Nẹp khóa đầu xa xương trụ móng, chiều dài 52 - 68mm	Nẹp khóa đầu xa xương trụ móng - Chất liệu Ti6Al4V - Đầu và đuôi nẹp được vát cạnh bo tròn - Chiều dài trái/ phải có tối thiểu cỡ 52, 60, 68mm - Số lỗ trong khoảng 1 - 3 lỗ, có tối thiểu 3 cỡ - Tương thích với "Vít khóa động tự taro 2.4mm, phần đầu vít không ren" hoặc "Vít khóa động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren", "Vít vò động tự taro 3.5mm, phần đầu vít không ren" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
33	Vít khóa động tự taro 2.4mm, phần đầu vít không ren	Vít khóa động tự taro - Chất liệu Ti6Al4V - Dài trong khoảng 8 - 30mm, mỗi bước tăng 2mm - Đường kính có tối thiểu cỡ 2.4mm, tự taro - Phần gần đầu vít không có ren, đường kính 2.0mm - Phần đuôi vít đường kính 2.4mm, thiết kế 3 lưỡi - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Tương thích với "Nẹp khóa đầu xa xương quay hình quạt, chiều dài 66 - 123mm" hoặc "Nẹp khóa mắt cá ngoài, chiều dài 74 - 230mm" hoặc "Nẹp khóa đầu xa xương trụ móng, chiều dài 52 - 68mm", "Vít vò tự taro, đầu chữ thập, đường kính 2.0mm, dài 6 - 30mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	77
34	Vít vò tự taro, đầu chữ thập, đường kính 2.0mm, dài 6 - 30mm	Vít vò tự taro, đầu chữ thập - Chất liệu: Ti6Al4V - Đường kính có tối thiểu cỡ 2.0mm - Dài trong khoảng 6 - 16mm, mỗi bước tăng 1mm - Dài trong khoảng 16 - 30mm, mỗi bước tăng 2mm - Tương thích với "Vít khóa động tự taro 2.4mm, phần đầu vít không ren" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
35	Chuôi khớp nối đầu xa lồi cầu	Chuôi khớp nối đầu xa lồi cầu - Chất liệu: Titanium - Côn 12/14, Góc nghiêng 135 độ - Chiều dài cổ tối thiểu có cỡ 50mm - Đường kính thân tối thiểu có cỡ 24mm - Tương thích với "Bộ khớp gối với phần lồi cầu bán rộng", "Khớp nối đầu xa lồi cầu" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2
36	Chuôi khớp nối mâm chày cho khớp gối	Chuôi khớp nối mâm chày cho khớp gối - Chất liệu: Titanium. - Chiều dài khớp nối ≥ 8 cỡ, trong khoảng 40 - 120mm, mỗi bước tăng 10mm - Đường kính khớp nối có tối thiểu cỡ 24mm - Tương thích với "Bộ khớp gối với phần mâm chày bán rộng" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2
37	Khớp nối đầu xa lồi cầu	Khớp nối đầu xa lồi cầu - Chất liệu: Titanium và UHMWPE - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 105, 115, 125, 135mm - Đường kính trong khoảng 11 - 13mm, mỗi bước tăng 1mm - Chiều dài modul kết nối trong khoảng 30 - 60mm, mỗi bước tăng 10mm - Tương thích với "Bộ khớp gối với phần lồi cầu bán rộng", "Chuôi khớp nối đầu xa lồi cầu" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
38	Bộ trộn xi măng cột sống kèm theo bơm tiêm	Bộ trộn xi măng cột sống kèm theo bơm tiêm - Thành phần gồm: + 01 đầu nối chuyên dụng Luer + 01 bộ trộn + 01 phễu rót + 01 thìa khuấy + 04 bơm tiêm + Súng bơm áp lực cao - Tương thích với "Vít cột sống lưng cổ định đơn trục/ đa trục, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	35
39	Đĩa đệm cột sống cổ có bắt vít, cao 5 - 10mm	Đĩa đệm cột sống có bắt vít dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Titanium - Cao trong khoảng 5 - 10mm - Rộng trong khoảng 15 - 17mm - Dài trong khoảng 12 - 14mm - Độ ưỡn có tối thiểu 7 độ - Có 2 lỗ bắt vít - Khoảng trống để nhồi xương tự thân 0.25 - 0.80ml - Kèm 2 vít bằng titanium, có Đường kính: trong khoảng 3 - 3.5mm, dài tối thiểu 12 mm, tối đa 18mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20
40	Đĩa đệm cột sống cổ toàn phần, cao 5 - 9mm	Đĩa đệm cột sống cổ có khớp động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Cobalt Chromium Molybden được phủ 2 lớp Titan xốp và HA - Lõi di động chất liệu UHMWPE - Rộng trong khoảng 15 - 19mm, mỗi bước tăng 2mm - Sâu trong khoảng 13 - 19mm, mỗi bước tăng 2mm - Cao tối thiểu có các cỡ 4.5, 5, 6, 7mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
41	Đĩa đệm cột sống cổ tự khóa kèm 3 vít tự tạo ren	Đĩa đệm cột sống cổ tự khóa dùng trong phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cổ - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Độ nghiêng 7° - Kèm vít vự taro Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
42	Đĩa đệm cột sống cổ, có sẵn xương ghép, cao 5 - 7mm	Đĩa đệm cột sống cổ có sẵn xương ghép dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK), tricalciumphosphate - Cao trong khoảng 5 - 7mm - Sâu trong khoảng 12 - 15mm - Rộng trong khoảng 15 - 17mm - Độ sâu răng cưa 0.5mm - Đĩa đệm có 2 điểm đánh dấu bằng titanium - Khoảng trống ghép xương trong khoảng 0.43 - 1.00ml Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
43	Đĩa đệm cột sống cổ, độ nghiêng 7°, cao 5 - 10mm	Đĩa đệm cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Chiều cao trong khoảng 5 - 10mm, có tối thiểu 4 cỡ - Chiều sâu trong khoảng 12 - 14mm - Chiều rộng trong khoảng 14 - 17mm - Có 2 hình dạng góc ưỡn, loại cong lõi 0° và hình nệm khoảng 7° - Có khoang trống ghép xương trong khoảng 1.5cc đến 9cc - Trên thân đĩa có 2 vạch đánh dấu, cách nhau khoảng 10 - 13mm - Tương thích với "Nẹp cột sống cổ lõi trước kèm vít khóa, ngang ≥ 1.7mm, dài 19 - 80mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
44	Đĩa đệm cột sống cổ, khớp toàn phần, cao 5 - 7mm	Đĩa đệm cột sống cổ, khớp toàn phần dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Titanium có lõi phủ Diamolith, nhân đệm bằng PE - Cao trong khoảng 5 - 7mm - Sâu có tối thiểu cỡ 13mm - Rộng có tối thiểu cỡ 16mm - Độ cúi, ngửa, nghiêng: ± 8 độ - Gồm 2 đĩa, mỗi đĩa bề mặt ngoài có 3 đỉnh chống trượt, phủ lớp bột Titanium Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	45
45	Đĩa đệm cột sống lưng hình trái chuối, cao 7 - 17mm, đầu vào hình viên đạn	Đĩa đệm cột sống lưng hình trái chuối đầu vào hình viên đạn dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK), phủ lớp Titanium - Cao trong khoảng 7 - 17mm (mỗi bước tăng 1mm), tối thiểu ≥ 7 cỡ - Độ nghiêng 5° - Rộng trong khoảng 11 - 12mm (có tối thiểu cỡ 11.5mm) - Dài trong khoảng 26 - 35mm (có tối thiểu các cỡ 26, 30mm) - Có điểm đánh dấu cân quang Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	120
46	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 6 → 14mm, in 3D nguyên khối	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong in 3D nguyên khối dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Ti6Al4V ELI - Cao ≥ 4 cỡ, trong khoảng 6 - 14mm - Độ nghiêng ≥ 12° - Dài trong khoảng 28 - 32mm, tối thiểu có cỡ 28, 32mm - Đầu hình viên đạn, hai mặt lõi. Bề mặt trên và dưới đĩa có răng cưa Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
47	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 8 - 14mm, có 2 khoang nhồi xương	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 8 - 15 mm - Độ nghiêng ≥ 8° - Rộng trong khoảng 9 - 11mm, dài 25mm - Đầu hình viên đạn, có 2 khoang ghép xương - Có điểm đánh dấu cân quang Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
48	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 8 - 14mm, đặt xoay 90°	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 8 - 14 mm - Rộng có tối thiểu các cỡ 9mm, 11mm - Dài trong khoảng 20 - 32mm - Độ uốn có tối thiểu cỡ 4°, đặt xoay 90° - Có khoang trống ghép xương trong khoảng 0.40 - 2.40ml - Có 3 điểm đánh dấu cân quang Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
49	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 6 - 16mm, độ nghiêng 0° - 8°	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao ≥ 4 cỡ, trong khoảng 7 - 14mm, mỗi bước tăng 1mm - Độ uốn có tối thiểu 0°, 4°, 8° - Rộng trong khoảng 10 - 12mm, dài có tối thiểu các cỡ 25, 28, 32mm - Có điểm đánh dấu cân quang - Tương thích với "Vít cột sống lưng rộng nông, dài 30 - 60mm, đường kính 5.5 - 7.5mm" và "Vít khóa trong vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, Đường kính: trong khoảng 9.5 - 10mm, cao 5.5 - 6.0mm" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	25
50	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 8 - 15mm, độ nghiêng ≥ 7°	Đĩa đệm cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 8 - 15mm - Độ nghiêng tối thiểu có cỡ 7° - Rộng trong khoảng 8 - 15mm, dài trong khoảng 20 - 30mm Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20
51	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cao 8 - 15mm, đầu hình viên đạn	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng đầu hình viên đạn dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 8 - 15mm, mỗi bước tăng 1mm - Độ nghiêng 5°, 8° - Rộng 9mm, dài 22mm, 24mm, 26mm - Đầu hình viên đạn kèm khung nhồi xương. Điểm đánh dấu bằng Tantalum Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
52	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 8 - 14mm, có sẵn xương ghép bên trong	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, có sẵn xương ghép bên trong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK), 2 điểm đánh dấu bằng tantalum, xương ghép sẵn được làm bằng vật liệu tricalciumphosphate với tricalciumphosphate (TCP) và hydroxyapatite (HA) - Cao trong khoảng 8 - 14mm, mỗi bước tăng 2mm - Độ uốn có tối thiểu 4° - Độ sâu răng cưa có tối thiểu cỡ 0.9mm - Rộng có tối thiểu cỡ 11mm, dài ≥ 28mm - Khoang trống ghép xương trong khoảng 0.5 - 1.1ml Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
53	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 7 - 17mm, giải ép qua lỗ liên hợp (TLIF)	Đĩa đệm cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực giải ép qua lỗ liên hợp (TLIF) - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK), titanium plasma - Cao trong khoảng 7 - 17mm - Rộng có tối thiểu cỡ 10mm, dài trong khoảng 27 - 30mm Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
54	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, cao 7 - 16mm, độ nghiêng 0° - 8°	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao ≥ 4 cỡ, trong khoảng 7 - 14mm, mỗi bước tăng 1mm - Độ uốn có tối thiểu 0, 4, 8 độ - Dài trong khoảng 26 - 32mm, có tối thiểu 4 cỡ - Đầu hình viên đạn, hai mặt lõm. Bề mặt trên và dưới đĩa có rãnh cưa - Tương thích với "Vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 130mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	35
55	Đĩa đệm cột sống lưng lõi sau loại thẳng, cao 7 - 15mm	Đĩa đệm cột sống lưng lõi sau loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Polyether Ether Ketone (PEEK) - Cao trong khoảng 7 - 15mm, mỗi bước tăng 1mm - Rộng có tối thiểu cỡ 10mm, dài trong khoảng 24 - 36mm - Độ nghiêng tối thiểu có cỡ 0°/ 4° - Đĩa đệm dạng hình viên đạn có rãnh 2 mặt trên và dưới Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
56	Đốt sống cột sống cổ nhân tạo liền khối, điều chỉnh được độ cao bằng 1 vòng trên thân đốt sống	Đốt sống cột sống cổ nhân tạo liền khối dùng trong phẫu thuật cắt bỏ thân đốt sống cổ, điều chỉnh được độ cao bằng 1 vòng trên thân đốt sống - Chất liệu Ti6AL4V-Eli - Đường kính: trong khoảng 12 - 16mm, tối thiểu ≥ 3 cỡ - Góc uốn có tối thiểu các cỡ 0°, 6° - Độ cao thay đổi trong khoảng 10 - 65mm - Trên thân có 1 vít khóa Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
57	Đốt sống cột sống cổ, kèm vít cố định	Đốt sống cột sống cổ kèm vít cố định dùng trong phẫu thuật cắt bỏ thân đốt sống cổ - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính: trong khoảng 10 - 40mm - Chiều cao có tối thiểu cỡ 13 - 18mm, 17 - 26mm, 25 - 41mm, 40 - 65mm - Góc uốn trong khoảng 0° - 18°, tối thiểu ≥ 3 cỡ - Vít cố định có tối thiểu các cỡ 4.0, 5.0mm. Chiều dài trong khoảng 14 - 18mm - Trên thân có một vít khóa Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
58	Đốt sống cột sống ngực, lưng	Đốt sống cột sống nhân tạo liền khối dùng trong phẫu thuật cắt bỏ thân đốt sống ngực, lưng - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 20, 24, 26, 29, 32mm - Dài có tối thiểu các cỡ 35, 45, 55mm - Cao trong khoảng 15 - 124mm - Nắp đậy có dạng hình tròn hoặc hình oval Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
59	Đốt sống cột sống ngực, lưng, hình trụ, có thân rỗng nhồi xương	Đốt sống cột sống ngực lưng dùng trong phẫu thuật cột sống ngực lưng - Chất liệu Titanium - Đường kính: trong khoảng 10 - 24mm, có tối thiểu các cỡ 10, 12, 20, 24mm - Cao trong khoảng 6 - 90mm, có tối thiểu các cỡ 6, 7, 8, 30, 50, 90mm - Hình trụ tròn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
60	Kẹp cổ túi phình mạch máu não dùng trong mổ mở và xâm lấn tối thiểu	Kẹp cổ túi phình mạch máu não dùng trong phẫu thuật kẹp túi phình mạch máu não - Chất liệu Titanium 1. Kẹp túi phình có lỗ cửa sổ - Đường kính lỗ cửa sổ có tối thiểu các cỡ 3.5mm và 5.0mm - Có tối thiểu các loại: mini, tiêu chuẩn, siêu ngắn - Chiều dài lưỡi trong khoảng 3.0 - 16mm, có tối thiểu các cỡ 3.0/6.3mm, 3.0/6.7mm, 3.0/6.9, 3.0/5.1, 6/12.7, 9/15.7, 5/6.7mm - Độ mở tối đa trong khoảng 3.0 - 10mm, có tối thiểu 3.2, 9.1mm - Lực đóng trong khoảng 100 - 200g, có tối thiểu 110, 150g 2. Kẹp túi phình không lỗ cửa sổ - Có tối thiểu 2 loại: mini, tiêu chuẩn - Chiều dài lưỡi trong khoảng 4.0 - 12mm, có tối thiểu các cỡ 4.0, 5.0, 6.4, 11.0, 12.0mm - Độ mở tối đa trong khoảng 3.0 - 11mm, có tối thiểu các cỡ 3.5, 4.0, 6.8, 8.8, 10.2mm - Lực đóng trong khoảng 100 - 200g, có tối thiểu 110, 180g 3. Kẹp túi phình tạm - Chiều dài lưỡi có tối thiểu các cỡ 9.0, 11.0mm - Độ mở tối đa trong khoảng 7.0mm - 8.0mm - Lực đóng 90g - Đi kèm dụng cụ gắn kẹp túi phình Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	320
61	Miếng vá khuyết sọ khoảng 120 x 120 x 0.6mm (± 05%), dạng 3D	Miếng vá khuyết sọ dùng trong phẫu thuật ghép sọ - Chất liệu Titanium cấu trúc lưới 3D - Lỗ bắt vít chìm - Kích thước 120 x 120 x 0.6mm (± 05%) Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	5
62	Nẹp kèm vít khóa nối, tương thích vít xương chậu rộng nông đầu mũi thấp	Nẹp kèm vít khóa nối dùng trong phẫu thuật bắt vít xương chậu. - Chất liệu hợp kim Titanium - Vít nối với vít xương chậu tạo góc xoay ± 8 độ - Tương thích với "Vít xương chậu rộng nông đầu mũi vít thấp" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1
63	Vít xương chậu rộng nông đầu mũi vít thấp	Vít xương chậu loại rộng nông có phần đầu mũi vít thấp - Chất liệu hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 7.5, 8.5, 10.0mm - Chiều dài trong khoảng 40 - 140mm - Tương thích với "Nẹp kèm vít khóa nối, tương thích vít xương chậu rộng nông đầu mũi thấp" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1
64	Nẹp liên kết vít cổ lồi sau	Nẹp liên kết vít cổ lồi sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lồi sau - Chất liệu Ti-6Al-4V EL - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.6mm, 6.1mm - Loại đồng trục: chiều dài có tối thiểu các cỡ 13.5mm, 19mm - Loại mặt bên: chiều dài từ 13.5mm đến 15.5mm (bước tăng 1.0mm) - Loại bên phải/ trái (10 độ): chiều dài từ 16mm đến 18mm (bước tăng 1.0mm) Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
65	Nẹp ngang lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực	Nẹp ngang lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu Titanium - Chiều dài trong khoảng 30 - 75mm - Có móc 2 đầu có thể điều chỉnh độ dài Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
66	Nẹp ngang nối thanh nẹp dọc cột sống lưng	Nẹp ngang nối thanh nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống - Chất liệu Ti-6Al-4V ELI + Loại đồng trục: các cỡ 20, 22, 24, 26mm, tương thích vít Đường kính: trong khoảng 5.5 - 6.35mm, 2 đầu mở + Loại bên: các cỡ 20, 22, 24, 26mm, tương thích vít Đường kính: trong khoảng 5.5 - 6.35mm, 2 đầu mở + Loại bên kết nối ngoài vít cánh chấu: ≥ 4 cỡ từ 15mm đến 40mm, 2 loại mở và đóng Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
67	Xi măng hóa học tạo hình đốt sống dùng kèm vít đơn và đa trục bơm xi măng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng ngực	Xi măng hóa học tạo hình đốt sống dùng kèm vít đơn và đa trục bơm xi măng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng ngực - Thành phần: polymetyl metacrylate, có tính cân quang - Thời gian đông 15 phút ở nhiệt độ 28° C - Tương thích với "Vít cột sống lưng cố định đơn trục/ đa trục, lòng rỗng có lỗ bơm xi măng, đường kính 4.5 - 8.5mm, dài 25 - 80mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Lọ	120
68	Bộ trộn và phân phối xi măng hóa học bơm thân sống	Bộ trộn và phân phối xi măng dùng cho phẫu thuật tạo hình thân đốt sống - Bình trộn có tay quay - Bơm tiêm xi măng (10ml) - Khóa vận - 1 ống nối - 1 tay cầm - Tương thích "Kim chọc dò bơm xi măng thân sống, cỡ 11G, 13G, dài khoảng 100 - 130mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	35
69	Kim chọc dò bơm xi măng thân sống, cỡ 11G, 13G, dài khoảng 100 - 130mm	Kim chọc dò bơm xi măng dùng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống - Chất liệu kim thép không gỉ - Dạng đầu hình kim cương - Kích thước: cỡ 11G, 13G - Dài trong khoảng 100 - 130mm, có tối thiểu cỡ 125mm - Kèm 03 bơm tiêm có vòng xoắn 3ml - Tương thích với "Bộ trộn xi măng cột sống kèm theo bơm tiêm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	65
70	Vít cột sống lưng đa trục đuôi dài dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da ở cột sống ngực, lưng	Vít cột sống lưng đa trục đuôi dài dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da ở cột sống ngực, lưng - Chất liệu: Titanium - Đường kính ngoài có ≥ 4 cỡ từ 5.0mm đến 7.5mm, dài trong khoảng 25 - 120mm - Thiết kế: đầu vít đa trục, thân vít rỗng ruột, đuôi vít dài trong khoảng 110 - 120mm, có tối thiểu cỡ 120mm - Tương thích với "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng, đường kính 10.5 - 11mm", "Nẹp dọc uốn sẵn Đường kính: trong khoảng 5.0 - 6.0mm, dài 40 - 90mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	40
71	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng, đường kính 10.5 - 11mm	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống đoạn ngực thắt lưng - Chất liệu hợp kim Titanium - Hình ngôi sao - Đường kính: trong khoảng 10 - 11mm - Cao trong khoảng 4.5 - 5.0mm - Tương thích với "Vít cột sống lưng đa trục đuôi dài 110 - 120mm", "Nẹp dọc uốn sẵn Đường kính: trong khoảng 5.0 - 6.0mm, dài 40 - 90mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
72	Nẹp dọc cột sống cổ, dài khoảng 50mm, đường kính $\leq 3.3\text{mm}$, dài $\geq 50\text{mm}$	Nẹp dọc cột sống cổ dài dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 3.3mm, dài $\geq 50\text{mm}$ - Tương thích với "Vít cột sống cổ đa trục đường kính 3.5 - 4.5mm", "Vít khóa trong cột sống cổ, đường kính 3.5 - 4.5mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
73	Nẹp ngang cột sống cổ dài 30 - 70mm tương thích vít đa trục cột sống cổ	Nẹp ngang cột sống cổ dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Titanium. - Chiều dài trong khoảng 30 - 70mm, mỗi bước tăng 5mm - Tương thích với "Vít cột sống cổ đa trục đường kính 3.5 - 4.5mm", "Vít khóa trong cột sống cổ, đường kính 3.5 - 4.5mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2
74	Vít trượt cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau, đường kính 3.5/ 4.0mm	Vít trượt cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính cỡ 3.5mm hoặc 4.0mm - Vít tự tạo ren, góc xoay trong khoảng $77^\circ - 92^\circ$ - Tương thích với "Nẹp dọc cột sống cổ lõi sau 2 đầu" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	120
75	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu: Titanium - Tương thích với "Vít trượt cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau, đường kính 3.5/ 4.0mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)		120
76	Nẹp dọc cột sống cổ lõi sau 2 đầu	Nẹp dọc cột sống cổ lõi sau 2 đầu - Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 3.5 hoặc 6.0mm, dài trong khoảng 100 - 300mm - Hình trụ - Tương thích với "Vít trượt cổ sau, đường kính 3.5/ 4.0mm" và "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	30
77	Nẹp dọc cột sống cổ sau, dài $\geq 240\text{mm}$, đường kính 3.0 - 3.2mm	Nẹp dọc cột sống cổ sau dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau - Chất liệu Titanium - Chiều dài $\geq 240\text{mm}$, Đường kính: trong khoảng 3.0 - 3.2mm - Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi sau đa trục, góc nghiêng tối đa khoảng 45° ", "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi sau, bằng Titanium" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	4
78	Đầu đốt điện cực dẫn sóng RF đốt dây thần kinh trong phẫu thuật dây thần kinh sinh ba, dài 5, 10, 15cm	Đầu đốt điện cực dẫn sóng RF đốt dây thần kinh trong phẫu thuật dây thần kinh sinh ba - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài có tối thiểu cỡ 5, 10, 15cm - Tương thích với máy Cosman G4 Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	23

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
79	Ống nong (Cannula) dùng với Đầu đốt điện cực dẫn sóng RF đốt dây thần kinh trong phẫu thuật dây thần kinh sinh ba, cỡ 18 - 22G	Ống nong (Cannula) dùng với Đầu đốt Điện cực dẫn sóng RF đốt dây thần kinh trong phẫu thuật dây thần kinh sinh ba, dài 5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài trong khoảng 10 - 15cm - Ngâm hoạt động trong khoảng 10 - 20mm - Đường kính ngâm các cỡ: 18 - 22G - Đầu tip thẳng - Tương thích với máy Cosman G4. Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	100
80	Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động 1 - 4 tầng, dài khoảng 22 - 100mm	Nẹp cột sống cổ lõi trước bán động khoảng 1 - 4 tầng - Chất liệu hợp kim Titanium - Dài trong khoảng 22 - 36, 38 - 54, 50 - 71, 68 - 100mm, dày có tối thiểu 1.8mm - Nẹp bán cứng - Tương thích với "Vít cột sống cổ lõi trước đường kính 4.0/4.35mm, dài 12 - 16mm" tại danh mục mời thầu Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20
81	Vít cột sống lưng đa trục nắn trượt hai loại ren bên nhuyến, mũi vít nhỏ, đường kính 4.0 - 7.0mm, dài 25 - 60mm	Vít cột sống lưng đa trục nắn trượt dùng trong phẫu thuật nắn chỉnh trượt cột sống ngực, lưng - Chất liệu Titanium - Thân vít có đường kính ngoài: trong khoảng 4.0 - 7.0mm, mỗi bước tăng 1 mm, - Thân vít có đường kính trong: trong khoảng 3.0 - 5.5mm - Khoảng cách ren trong khoảng 2.2 - 3.0mm, dài trong khoảng 25 - 60mm - Đầu vít có góc xoay trong khoảng 45 - 50°, đường kính: trong khoảng 14 - 15mm - Tương thích với "Nẹp dọc cột sống lưng, dài ≥ 550mm, đường kính 5.0 - 5.5mm", "Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
82	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu 25 x 25 mm (± 01 mm), dày 0.6 - 1.2 mm	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu - Chất liệu Polime sinh học (PDLLA: 100% Poly-D, L-Lactic Acid) - Kích thước: 25 x 25 mm (± 01 mm) - Dày khoảng 0.6 - 1.2 mm - Tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng - Tương thích với "Vít tự tiêu đường kính 2.0 – 2.2 mm, dài 4 -5 mm", "Vít tự tiêu đường kính 2.0 – 2.2 mm, dài từ 5 - 8 mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
83	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu 30 x 105 mm (± 01 mm), dày 0.6 - 1.2 mm	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu - Chất liệu Polyme sinh học (PDLLA: 100% Poly-D, L-Lactic Acid) - Kích thước: 30 x 105 mm (± 01 mm) - Dày khoảng 0.6 - 1.2 mm - Tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng - Tương thích với "Vít tự tiêu đường kính 2.0 – 2.2 mm, dài 4 -5 mm", "Vít tự tiêu đường kính 2.0 – 2.2 mm, dài từ 5 - 8 mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5
84	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu 50 x 50 mm (± 01 mm), dày 0.6 - 1.2 mm	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu - Chất liệu Polime sinh học 85% PLLA (poly-L- lactic acid) và 15% PGA (poly glyconic Acid) - Kích thước: 50 x 50 mm (± 01 mm) - Dày khoảng 0.6 - 1.2 mm - Tự tiêu trong vòng 12 - 14 tháng - Tương thích với "Vít tự tiêu đường kính 2.0 – 2.2 mm, dài 4 -5 mm", "Vít tự tiêu đường kính 2.0 – 2.2 mm, dài từ 5 - 8 mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5

STT	TÊN DANH MỤC	MÔ TẢ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
85	Vít tự tiêu đường kính 2.0 – 2.2 mm, dài 4 -5 mm	Vít tự tiêu - Chất liệu Polime sinh học tự tiêu (PDLLA: 100% Poly-D, L-Lactic Acid) - Đường kính khoảng 2.0 – 2.2 mm - Dài khoảng 4 - 5 mm - Tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng - Tương thích với "Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu 25 x 25 mm ($\pm$ 01 mm), dày 0.6 - 1.2 mm" hoặc "Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu 30 x 105 mm ($\pm$ 01 mm), dày 0.6 - 1.2 mm" hoặc "Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu 50 x 50 mm ($\pm$ 01 mm), dày 0.6 - 1.2 mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100
86	Vít tự tiêu đường kính 2.0 – 2.2 mm, dài từ 5 - 8 mm	Vít tự tiêu - Chất liệu Polime sinh học tự tiêu (PDLLA: 100% Poly-D, L-Lactic Acid) - Đường kính khoảng 2.0 - 2.2 mm - Dài khoảng 5 - 8 mm - Tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng - Tương thích với "Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu 25 x 25 mm ($\pm$ 01 mm), dày 0.6 - 1.2 mm" hoặc "Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu 30 x 105 mm ($\pm$ 01 mm), dày 0.6 - 1.2 mm" hoặc "Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu 50 x 50 mm ($\pm$ 01 mm), dày 0.6 - 1.2 mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100

CÔNG TY.....
 Mã số thuế:
 Địa chỉ:
 Số điện thoại liên hệ:

Mẫu chào giá

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh
 Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
 Theo Công văn mời chào giá số .1163../BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ										
	TT theo thư mời chào giá	Tên danh mục	Tên thiết bị y tế// Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Chứng minh giá (nếu có)
1													Tên cơ sở y tế:..... Số/ ngày hợp đồng:..... Đơn giá:....
2													

- Báo giá này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký tên và đóng dấu)

